

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HS-ST
Ngày 15/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cường và bà Phan Thị Mấy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HS ngày 11/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 01/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Thị M**, sinh năm 1975 tại xã V, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù A C (đã chết) và bà Ma Thị L, sinh năm 1929; bị cáo có chồng là Sùng A M, sinh năm 1976 và có 07 con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Trước thời điểm bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 20/02/2013 đến ngày 28/02/2013 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Đến ngày 06/7/2023, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ, đến ngày 14/7/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn Khôi – Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Sùng A D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tiểu khu 295, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông Lầu Văn Ly, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Lù A S, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt.

2. Anh Lương Văn Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hoá, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 15 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2013 tổ công tác của Đoàn Biên phòng Trung Lý – Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa đã dừng xe, kiểm tra hành chính đối với 01 (một) người đàn ông đang điều khiển xe máy biển kiểm soát 36M9-9556, loại xe Wave màu đỏ chở một người phụ nữ đi trên tỉnh lộ 520 theo hướng từ khu Kéo Cưa về trung tâm bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá. Làm việc với tổ công tác người đàn ông điều khiển xe máy khai báo họ tên là Sùng A D sinh năm 1996 và người phụ nữ ngồi sau xe tên là Lù Thị M, sinh năm 1975, cùng trú tại bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa (là mẹ đẻ của Sùng A D). Quá trình kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện bên trong chiếc khăn quàng trên đầu của bà Lù Thị M có 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong chứa 02 (hai) gói nilon màu đỏ, trong đó một gói nilon màu đỏ bên trong chứa các cục vụn màu trắng ngà, gói nilon màu đỏ còn lại bên trong chứa 40 (bốn mươi) viên nén màu đỏ hình tròn dạng nén và 02 (hai) viên màu xanh hình tròn dạng nén trên mỗi viên đều có chữ “WY”. Lù Thị M khai nhận đây là ma túy loại Heroine và Hồng phiến M vừa mua ở bản Khăm Nàng – Nước CHDCND Lào mang về cho một người đàn ông tên N (Nụ) ở bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình điều tra, Lù Thị M khai nhận: Chiều ngày 19/02/2013, trên đường đi đào mương đắp từ đồi về nhà ở bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa, M đã gặp một người đàn ông tên N, người ở bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Khi gặp nhau, N đã đặt vấn đề đưa tiền thuê Lù Thị M đi mua ma túy; M đồng ý, sau đó cả hai thỏa thuận với nhau: Người đàn ông tên N đưa cho Lù Thị M số tiền 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng) và dặn M mua ma túy 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), loại Heroine, số tiền còn lại là tiền công của Lù Thị M, khi mua được ma túy thì M sẽ gọi điện thoại cho N để đưa ma túy (do thời gian đã lâu nên Lù Thị M không nhớ được số điện thoại di động của N). Thỏa thuận xong Lù Thị M cầm số tiền trên đi về nhà, còn N đi đâu làm gì M không biết. Đến sáng ngày 20/02/2013, Lù Thị M bế con gái tên là Sùng Thị C, sinh năm 2007 đi bộ từ nhà sang khu vực cột mốc 311, thuộc địa giới hành chính bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa rồi đi theo đường mòn sang bản Khăm Nàng (Lào) tìm mua ma túy. Sang đến bản Khăm

Nàng (Lào) Lù Thị M đã vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông (M không biết tên, tuổi cụ thể) để hỏi đường và hỏi mua ma túy thì người đàn ông đồng ý bán ma túy cho M. Lù Thị M đưa cho người đàn ông trên số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) để mua ma túy (trong đó số tiền 3.700.000đ là tiền của N dẫn mua ma túy, còn lại số tiền là tiền công N trả cho M đi mua ma túy và 1.900.000đ là tiền của Lù Thị M), người đàn ông nhận tiền rồi đưa cho M 01 (một) gói nilon màu đen và nói với M bên trong có ma túy loại Heroine và Hồng phiến, sau đó người đàn ông đã cho Lù Thị M thêm 02 (hai) viên hồng phiến. Nhận gói ma túy, Lù Thị M mở gói ma túy ra thấy bên trong có 02 (hai) gói nilon màu đỏ, trong đó một gói bên trong chứa các cục Heroine; gói còn lại bên trong có chứa các viên Hồng phiến. Lù Thị M đã mở gói nilon chứa Hồng phiến ra bỏ 02 (hai) viên Hồng phiến vừa được cho thêm vào rồi gói lại. Sau đó Lù Thị M đã gói cả hai gói ma túy chung lại bằng một mảnh nilon màu đen rồi giấu gói ma túy vào trong khăn đang quấn trên đầu và bế con gái đi bộ theo đường cũ về nhà. Khi đang đi bộ trên Quốc lộ 15C, thuộc địa giới hành chính bản Kéo Té, xã Nhi Sơn thì gặp con trai của Lù Thị M tên là Sùng A D và cháu Lù A S sinh năm 1999, là người cùng bản với Lù Thị M đi đến, mỗi người điều khiển một xe máy riêng. Lù Thị M đã bảo con trai điều khiển xe máy chở mình, còn Lù A S chở con gái cùng đi về nhà. Trên đường đi về Sùng A D đã hỏi Lù Thị M đi đâu, làm gì? Lù Thị M đã nói cho Sùng A D biết là có một người đàn ông đưa cho M số tiền 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng), nên M đi mua ma túy về lấy tiền công mua gạo, M không cho Sùng A D biết chỗ giấu ma túy và không cho thấy gói ma túy của mình. Khi Lù Thị M vừa nói cho Sùng A D biết mình đi mua ma túy và có ma túy xong thì ngay sau đó cả hai gặp tổ công tác của Đoàn Biên phòng Trung Lý – Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa kiểm tra bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số: 280/MT-PC54 ngày 23/02/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 42 (bốn mươi hai) viên dạng nén hình tròn, trên bề mặt có dập chìm ký hiệu “WY”, trong đó có 40 (bốn mươi) viên màu đỏ và 02 (hai) viên màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 4,06g (bốn phẩy không sáu gam), qua giám định có thành phần Methamphetamine.

- Chất màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng 21,03g (hai mươi một phẩy không ba gam), qua giám định có thành phần Heroine.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) phong bì màu trắng do Phòng PC54 phát hành, dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Quốc Thái và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HODA màu đỏ, loại xe WAVE do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 36M9-9556, xe đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người đã bán ma túy cho M. Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án khác.

- Đối với anh Sùng A D, sau khi nghe Lù Thị M cho biết hành vi phạm tội của Mo nhưng ngay tại thời điểm đó M đã bị tổ công tác Đoàn biên phòng Trung Lý bắt quả tang; Sùng A D không có đủ thời gian, điều kiện để tố giác tội phạm. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý Sùng A D về hành vi không tố giác tội phạm.

Sau khi bị bắt quả tang và bị khởi tố bị can, quá trình điều tra do Lù Thị M nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được cho tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, do đó Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với Lù Thị M và quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với M.

Đến ngày 06/7/2023, M bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk theo quyết định truy nã số: 01/CSĐT, ngày 17/6/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá và bị tạm giữ từ ngày 06/7/2023.

Tại Bản cáo trạng số: 64/CT-VKS-ML ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lù Thị M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm đ, o khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lù Thị M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm đ, o khoản 2 Điều 194 ; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo Lù Thị M từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày trước thời điểm bị cáo bỏ trốn được trừ đi thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù.

Quá trình điều tra xác định bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 (một) phong bì màu trắng được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Quốc Thái và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai đựng mẫu vật còn lại sau giám định.

- Đối với vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu HODA màu đỏ, loại xe WAVE do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 36M9-9556, xe đã qua sử dụng. Quá trình

điều tra Sùng A D khai nhận chiếc xe trên là của ông ngoại D tên là Lù A C (khi còn sống trú tại bản S, xã T, huyện M) tặng cho Sùng A D, nhưng do khi tặng cho không làm giấy tờ, không có người chứng kiến và sau đó ông C đã chết nên giấy tờ xe không biết ở đâu. Do chiếc xe máy trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của D phù hợp với xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát tại Biên bản xác minh chủ xe là ông Hoàng Văn H, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho anh Sùng A D.

- Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý với tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố đối với bị cáo; thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn; không biết chữ, không biết tiếng phổ thông nên nhận thức pháp luật rất hạn chế; việc bị cáo bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú là do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, hiện nay bị cáo đang có vấn đề về sức khỏe thể hiện qua việc bị cáo phải có người dìu vào phòng xử án do đó tính chất nguy hiểm đối với xã hội không còn; bị cáo phạm tội cũng một phần vì hám lợi và thời điểm 2013 là thời điểm còn nhiều khó khăn, gia đình đông con nên mục đích mua bán ma túy của bị cáo để lấy tiền mua gạo do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án từ 11 năm đến 12 năm tù, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thành khẩn nhận tội, bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như Kết

luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 20/02/2013, tại khu vực Kéo Cưa thuộc bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, Lù Thị M bị tổ công tác Đoàn biên phòng Trung Lý - Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa kiểm tra, phát hiện bên trong chiếc khăn quần trên đầu của M có 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong chứa 02 (hai) gói nilon màu đỏ, trong đó một gói nilon màu đỏ bên trong chứa các cục vụn màu trắng ngà, gói nilon màu đỏ còn lại bên trong chứa 40 (bốn mươi) viên nén màu đỏ hình tròn dạng nén và 02 (hai) viên màu xanh hình tròn dạng nén trên mỗi viên đều có chữ “WY”.

Tại bản kết luận giám định số: 280/MT-PC54 ngày 23/02/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 42 (bốn mươi hai) viên dạng nén hình tròn, trên bề mặt có dập chìm ký hiệu “WY”, trong đó có 40 (bốn mươi) viên màu đỏ và 02 (hai) viên màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng là 4,06g (bốn phẩy không sáu gam), qua giám định có thành phần Methamphetamine.

- Chất màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng 21,03g (hai mươi một phẩy không ba gam), qua giám định có thành phần Heroine.

Mặc dù trong quá trình điều tra, bị cáo Lù Thị M khai nhận được một người đàn ông tên là N, ở bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa đặt vấn đề đưa tiền thuê Lù Thị M đi mua ma túy, sau khi thoả thuận, người đàn ông tên N đã đưa cho bị cáo số tiền 4.100.000đ (bốn triệu một trăm nghìn đồng) và dặn M mua ma túy 3.700.000đ (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), loại Heroine, số tiền còn lại (400.000đ) là tiền trả công cho bị cáo. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã sang bản Khăm Nàng – Nước CHDCND Lào mua của một người đàn ông không quen biết số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) ma túy là Heroine và Methamphetamine, trong số tiền bị cáo mua ma túy có 3.700.000đ là tiền của N dặn mua ma túy, 400.000đ là tiền công N trả cho M và bị cáo bỏ thêm 1.900.000đ, mục đích bị cáo dùng tiền được trả công và bỏ thêm tiền ra mua ma túy mục đích là để về bán lại cho người đàn ông tên N nhằm kiếm lời; sau khi mua được ma túy, bị cáo không bỏ riêng số ma túy mua hộ cho N mà bỏ chung vào với số ma túy mua bằng tiền của bị cáo.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã tiến hành điều tra, xác minh tại bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa không có người nào có tên gọi, đặc điểm như Lù Thị M khai nhận, Lù Thị M cũng không cung cấp được số điện thoại của người đàn ông tên N, việc thoả thuận giữa bị cáo và người đàn ông không có người chứng kiến. Do đó lời khai của bị cáo về việc người đàn ông tên

N đưa tiền nhờ bị cáo đi mua ma túy và trả công cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ khối lượng ma túy bị cáo mua để bán. Hành vi của bị cáo mua bán 02 chất ma túy với tổng khối lượng là 25,09g, việc mua bán bên ngoài lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo theo quy định tại điểm đ, o khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và cũng đã nhận thức được ma túy là chất bị Nhà nước nghiêm cấm mua bán, tàng trữ do những tác hại xấu đến đời sống kinh tế, xã hội cũng như sức khỏe của con người, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, nhưng để thoả mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; Hội đồng xét xử cũng xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, là huyện biên giới giáp nước CHDCND Lào; bản thân bị cáo không được đi học, không biết chữ vì vậy nhận thức pháp luật rất hạn chế, bên cạnh đó các hành vi liên quan đến ma túy xảy ra trên địa bàn cũng là một phần hệ lụy của tệ nạn xã hội từ nhiều năm trước để lại; hiện nay bị cáo có sức khỏe yếu thể hiện qua việc không thể tự đi lại nên tính nguy hiểm cho xã hội không nhiều, vì vậy cũng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình, thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản cá nhân nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

- Đối với vật chứng là 01 (một) phong bì màu trắng do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Quốc Thái và các hình dấu của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đựng mẫu vật còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với tài sản thu giữ trong vụ án là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HODA màu đỏ, loại xe WAVE do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 36M9-9556, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra Sùng A D khai nhận đây là xe của ông ngoại là Lù A C (khi còn sống trú tại bản S, xã T, huyện M) tặng cho Sùng A D, nhưng khi tặng cho không làm giấy tờ, không có người chứng kiến và sau đó ông C đã chết nên giấy tờ xe không biết ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã tiến hành tra cứu, xác minh chiếc xe trên không phải là vật chứng trong vụ án nào, chủ sở hữu chiếc xe mô tô theo đăng ký xe là ông Hoàng Văn H, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá, cách đây khoảng 14 năm ông H đã bán xe cho một người đàn ông không quen biết tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, do giá trị chiếc xe rất nhỏ nên khi mua bán hai bên không viết giấy tờ gì, đến nay chiếc xe vẫn đăng ký tên ông H, ông không có ý kiến, đề nghị gì đối với chiếc xe vì ông đã bán cho người khác. Như vậy, nội dung xác minh và lời khai của ông Hoàng Văn H phù hợp với lời khai của Sùng A D, ông H không có yêu cầu gì và chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án nên trả lại cho Sùng A D là phù hợp.

[7]. Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo **Lù Thị M** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.
- Căn cứ: Điểm đ, o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.
- Xử phạt: Bị cáo Lù Thị M **12 (Mười hai)** năm tù, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là **09 (Chín)** ngày (*từ ngày 20/02/2013 đến ngày 28/02/2013*) bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là **11** năm **11** tháng **21** ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06/7/2023.
- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.
- + Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì màu trắng do Phòng PC54 phát hành, dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Quốc Thái và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đựng mẫu vật còn lại sau giám định.

+ Trả lại cho anh Sùng A D: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HODA màu đỏ, loại xe WAVE do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 36M9-9556, xe đã qua sử dụng.

Các vật chứng, tài sản hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND huyện Mường Lát;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát;
- UBND xã T, huyện M;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Minh